

TUẦN 2

Thứ hai

Tiếng Việt

Chính tả (Phân biệt tr/ch)

Bài viết

Mưa

I.Mục đích yêu cầu:

- Học sinh viết đúng bài chính tả và phân biệt được những tiếng viết bằng phụ âm đầu là tr/Ch.
- Học sinh làm đúng bài tập so sánh phân biệt tr/ch.
- Giáo dục học sinh có ý thức rèn chữ giữ vở.

II.Chuẩn bị

- Vở, bảng con. Sổ tay chính tả.

III.Các hoạt động dạy học:

1.ôn định

2.Kiểm tra bài cũ: Gọi 3 học sinh lên bảng đặt câu theo mẫu Ai là gì?

3.Bài mới:

*Giới thiệu:

***Hướng dẫn phân biệt ch/tr**

+Giáo viên giới thiệu cho HS một số quy tắc viết với ch/tr.

-Từ chỉ quan hệ thân thuộc trong gia đình viết với ch: cha, chú, cháu, chắt...

-Từ chỉ đồ dùng trong gia đình viết với ch: cái chạn, cái chõng, cái chai, cái chăn, cái chày...

Ngoại lệ: cái tráp.

-Viết bằng tr với từ đồng nghĩa viết bằng gi : trai- giai, giả-trả, giời-trời...

-ch th- ờng kết hợp sau nó với oa, oà, oe, uê loét choắt.

-ch láy với phụ âm đứng tr- ớc hoặc sau.trừ 4 tr- ờng hợp: trọc lóc, trụi lụi, trót lọt...

-Từ Hán Việt có dấu nặng và dấu huyền đều đi với tr...

*Vận dụng làm bài tập:

Bài 1:Điền vào chỗ trống ch/tr

a)chẻ hay trẻ: ...lạt ;trung,con,củi

b)cha hay tra: ...mẹ, ...hạt,....hỏi,....ông.

Học sinh làm bài, chữa bài, giáo viên chốt bài làm đúng.

Bài 2: Điền vào chỗ trống ch hay tr:

....e già măng mọc -....a.....uyên con nổi

....ên kính d- ối nh- ờng -....ín bỏ làm m- ời.

...ó....eo mèo đây -Vụngèo khéo trống

*Học sinh làm bài chữa bài nh- bài tập 1.

4.Củng cố dẫn dò:

-Nhắc lại khái quát kiến thức cơ bản.

-Nhận xét tiết học.

-Về học bài và ôn lại quy tắc viết với ch, tr.

Luyện từ và câu

Nghệ thuật so sánh

I.Mục đích yêu cầu:

-Học sinh nắm đ- ọc, nhớ lại các cách so sánh.

-Vận dụng làm các bài tập cs liên quan.

Giáo dục học sinh yêu thích tiếng Việt.

II.Đồ dùng dạy học: -Hệ thống bài tập

-Nháp vở.

III.Các hoạt động dạy học

1.Ổn định tổ chức.

2.Bài cũ

3. Bài mới:

***HƯỚNG DẪN HỌC SINH ÔN TẬP:**

Bài 1: Tìm những sự vật đ- ọc so sánh với nhau trong các câu d- ới đây. Các sự vật này(trong từng cặp so sánh) có điểm gì giống nhau?

a)S- ơng trắng viền quanh núi

Nh- một chiếc khăn bông

b)Trăng ơi từ đâu đến

Hay từ biển xanh diệu kì

Trăng tròn nh- mắt cá

Chẳng bao giờ chớp mi.

c)Bà em ở làng quê

L- ng còng nh- dấu hỏi

Sự vật đ- ọc so sánh: s- ơng-khăn

Giống: trắng —xốp

*Sự vật: trăng-mắt cá

Giống nhau: tròn

*L- ng-dấu hỏi

Giống nhau:Có hình đ- ờng cong

Bài 2: Chọn từ ngữ thích hợp để điền vào chỗ trống hoàn chỉnh hình ảnh so sánh về cây bàng trong từng câu d- ới đây:

a)Mùa xuân lá bàng mới nảy trong nh- ...

b)Những chiếc lá bàng mùa đông đỏ nh-

c)Tán lá bàng xoè ra giống....

d)Cành bàng trụi lá trông nh-

-Học sinh làm vào vở.

-Một số học sinh trình bày bài làm của mình.

-Giáo viên và học sinh nhận xét.

-Giáo viên khen những học sinh so sánh hay.

Bài 3: Viết lại các câu văn sau sao cho sinh động, gợi cảm bằng cách sử dụng các hình ảnh so sánh.

a)Mặt trời mới mọc đỏ ối.

b)Con sông quê em quanh co uốn khúc.

c)mặt biển phẳng lặng mênh mông.

d)Tiếng m- a rơi âm âm xáo động cả một vùng quê yên bình.

-Giáo viên chấm chữa bài.

4.Củng cố dẫn dò:

-Nhận xét giờ.

-Về nhà học bài và làm bài tập vở bài tập Tiếng Việt.

Thứ ba

Toán

Ôn về đo độ dài, đo khối lượng, giải toán về nhiều hơn ít hơn.

I.Mục tiêu:

- Học sinh ôn lại mối quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài, khối lượng đã học. Nhớ lại các bước giải bài toán về nhiều hơn, ít hơn.

- Vận dụng làm nhanh chính xác các bài tập liên quan.

II.Đồ dùng dạy học:

-Hệ thống bài tập.

-Nháp, vở.

III. các hoạt động dạy học.

1.Ổn định tổ chức.

2.Kiểm tra bài cũ.

-Gọi 2 học sinh lên bảng viết kí hiệu đề-ca-mét, héc —tô- mét

1dam=...m 1hm=...m 1hm=...dam

3.bài mới

***HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP**

Bài 1:Viết số thích hợp vào chỗ trống:

4dam =...m 1km=...hm =...dam =...m

6 dam=...m 3km=...hm=...dam=...m

8dam=...m 7km=...hm =...dam=...m

5dam=...m 9km=...hm=...dam=...m

Hai đơn vị liền kề nhau hơn kém nhau bao nhiêu lần?

Bài 2 Viết vào chỗ chấm:

1km=...m 6m=...dm

7 dm=...cm

7hm=...m 4m=...cm

8dm=...mm

5dam=...m 9m=...mm

6cm=...mm

Nêu cách đổi từ đơn vị lớn ra đơn vị nhỏ.

Bài 3: đổi các đơn vị sau;

4m 3dm =...dm

8dm 7cm =...cm

5m 5cm =...cm

6 dm 8mm =...mm

9m 7cm =...cm

7cm 6mm=...mm

Bài 4 Viết số thích hợp;

1kg =...g

5kg =...g

3kg=...g

7kg=...g

Bài 5: Tấm vải đỏ dài 32 m. Tấm vải trắng dài hơn tấm vải đỏ là 7 m. Hỏi hai tấm vải dài bao nhiêu mét?

- H- ớng dẫn học sinh làm bài tập.
- Yêu cầu học sinh làm vào vở.
- 1 học sinh lên bảng chữa bài.
- GV và cả lớp nhận xét.

Bài 6: Anh cân nặng 36 kg và nặng hơn em 7 kg. Hỏi em nặng bao nhiêu kg?

Bài 7: Em cao 125 cm.Em thấp hơn anh 23 cm. Hỏi anh cao bao nhiêu cm?

Yêu cầu học sinh làm hai bài tập trên vào vở.

GV thu chấm và chữa bài.

4.Hoạt động nối tiếp:

-Nhắc cấn thức ôn tập.

Nhận xét tiết học.

Bài tập về nhà:

Bài 1: Xe to chở đ- ợc 950 kg xi măng và chở đ- ợc nhiều hơn xe nhỏ 250kg xi măng. Hỏi cả hai xe chở đ- ợc bao nhiêu kg xi măng?

Bài 2: Một quầy hàng hôm qua bán đ- ợc 183m vải và bán ít hơn hôm nay 15m. Hỏi cả hai hôm quầy hàng bán đ- ợc bao nhiêu mét vải?

Thứ t□

Tập làm văn

Nói viết về gia đình

I.Mục đích yêu cầu:

- Giúp học sinh nắm đ- ợc cách nói, viết về ng- ời thân trong gia đình và những việc làm của mình khi chăm sóc ng- ời thân.
- Vận dụng viết thành thạo bài văn kể về ng- ời thân.
- Giáo dục học sinh tình cảm yêu quý gắn bó với gia đình.

II. Đồ dùng dạy học

Nháp vở.

III.Các hoạt động dạy học.

1.Ổn định tổ chức:

2.Bài cũ: Nêu tác dụng của nghệ thuật so sánh trong Tếng Việt.

3.Bài mới:

***Hớng dẫn học sinh làm bài tập:**

Bài 1:Em hãy giới thiệu về một ng- ời thân trong gia đình em.

-Giáo viên chép đề bài lên bảng.

-Học sinh đọc đề bài và xác định yêu cầu của đề bài.

+Khi giới thiệu về ng- ời thân trong gia đình gồm những ai?

+Đề bài yêu cầu giới thiệu mấy ng- ời.

+Đầu tiên giới thiệu gì?

+Tiếp theo giới thiệu gì?

+Cuối cùng nêu đ- ợc gì?

- Giáo viên ghi gợi ý lên bảng.
- Yêu cầu học sinh nói miệng từng phần theo gợi ý.
- *Cho học sinh dựa vào những điều vừa nói viết lại thành bài văn.
- Gọi nhiều học sinh đọc tr- ớc lớp.
- GV và học sinh nhận xét chữa và cho điểm những học sinh viết bài tốt.

Bài 2: Em hãy kể lại việc chăm sóc ng- ời thân của gia đình em bị ốm.

- Các b- ớc tiến hành nh- bài 1.

*Gợi ý:

- Em đã chăm sóc ai bị ốm?
- Em đã làm gì để chăm sóc ng- ời thân bị ốm?
- Kết quả việc chăm sóc của em nh- thế nào?
- Em có suy nghĩ gì khi ng- ời thân bị ốm?
- *GV chấm điểm chữa bài cho học sinh.
- Nhận xét khen những học sinh có bài viết tốt.
- Gọi 1 vài học sinh có bài viết tốt đọc bài tr- ớc lớp.

4.Củng cố dặn dò:

Nhắc lại nội dung bài ôn.

- Nhận xét giờ học.
- Viết lại bài 2 cho hay hơn.

Thứ năm

Toán

Ôn tập : Số đo thời gian. Luyện giải toán về tìm một phần mấy của một số.

I.Mục tiêu:

- Giúp học sinh củng cố về đơn vị đo thời gian ngày, tháng, năm, giờ, phút.
- Luyện tập cách giải bài toán về tìm một phần mấy của một số.
- Giáo dục học sinh có ý thức tự giác học bài.

II.Đồ dùng dạy học:Hệ thống bài tập, nháp.

III.Các hoạt động dạy học:

1.Ổn định tổ chức:

2.Kiểm tra: chữa bài tập về nhà.

3.Bài mới

***Hớng dẫn học sinh ôn tập:**

Bài 1(H- ớng dẫn học sinh trả lời miệng)

- a)Năm mà tháng 2 có 29 ngày gọi là năm gì?
- b)Theo d- ơng lịch cứ mấy năm có một năm nhuận?

Bài 2: Miệng

- Giáo viên chép đề bài lên bảng, học sinh đọc và suy nghĩ.
- Gọi học sinh đọc kết quả.
- a)Năm 2004 là năm nhuận hỏi năm nhuận liền sau năm 2004 là năm nào?

b) Hồng nói: ‘Năm mà có hai chữ số cuối cùng của năm đó lập thành số có hai chữ số chia hết cho 4 thì đó là năm nhuận. Hồng nói Có đúng không?

Bài 3: Ghi những tháng có số ngày: 30 ngày, 31 ngày, 29 hoặc 28 ngày.

- Học sinh làm vào vở.

- Ba học sinh lên bảng làm. Giáo viên và học sinh nhận xét.

Bài 4: Thông thường một năm có 1 lần kỉ niệm sinh nhật riêng bạn Huyền than rằng cứ bốn năm mới có một lần kỉ niệm sinh nhật. Vậy bạn Huyền sinh vào ngày tháng năm nào?

*Tiến hành tương tự như bài 3.

Bài 5: Mẹ mang ra chợ bán 45 quả trứng. Một ngày mua $\frac{1}{5}$ số trứng đó. Hỏi ngày đó đã mua bao nhiêu quả trứng?

*Học sinh làm vào vở.

- Học sinh lên bảng làm. Học sinh và giáo viên nhận xét.

Bài 6: Lớp 4A có 39 người trong đó có $\frac{1}{3}$ em là học sinh nam. Hỏi lớp 4A có bao nhiêu học sinh nam? Bao nhiêu học sinh nữ?

- Học sinh làm bài vào vở. Giáo viên chấm chữa bài chốt kết quả đúng.

4. Hoạt động nối tiếp:

- Nhắc lại nội dung ôn tập.

- Nhận xét tiết học.

- Bài tập về nhà:

Một đội tuyển đi thi học sinh giỏi. Trong đó có $\frac{1}{6}$ em đạt giải môn toán, $\frac{1}{3}$ học sinh đạt giải môn Tiếng Việt. Hỏi có bao nhiêu em đạt giải môn Toán/

Tuần 3

Thứ hai

Chính tả

Phân biệt l/n

I. Mục đích yêu cầu:

- Giúp học sinh nghe viết đúng chính tả bài Thành Cổ Loa.

- Vận dụng làm đúng bài tập chính tả phân biệt. l/n

- Giáo dục học sinh có ý thức rèn chữ giữ vở.

II. Đồ dùng dạy học:

- Tài liệu tham khảo. Tiếng Việt nâng cao lớp 3.

III. Các hoạt động dạy học

1. Ổn định tổ chức.

2. Bài cũ: Kiểm tra viết văn ở nhà của học sinh.

3. Bài mới

***Hướng dẫn nghe viết chính tả.**

- GV đọc bài viết cho học sinh nghe

- Bài văn miêu tả gì?

- GV đọc bài cho học sinh viết.

- Chấm một số bài.

- Chữa lỗi chung trên bảng

*H- ớng dẫn học sinh làm bài tập chính tả:

Bài 1: Điền vào chỗ trống các từ ngữ ghi ở cột bên trái.

Tiếng	Từ ngữ
No	M:no nê,
Lo	
Nội	
Lội	

Học sinh làm vào vở.

-Học sinh báo cáo kết quả sau khi đã tìm từ.

Bài 2: điền vào chỗ trống trong các câu sau I hay n

...ếm mật nằm gai

Tối ...ừa tắt đèn

...ăng nhạt chạt bị

...ên thác xuống ghềnh

...iệu cơm gắp mắm

Non xanh ...- ớc biếc

...- ớc sôi...ừa bồng

Lọt sàng xuống...ia

-Gọi 2 học sinh lên bảng làm.

GV nhận xét chốt bài làm đúng.

4.Củng cố dẫn dò:

-Nhắc lại nội dung bài học

-Nhận xét giờ học.

Những em chữ ch- a đẹp về nhà luyện chữ.

Luyện từ và câu.

Ôn tập về từ chỉ trạng thái. Câu kiểu Ai làm gì?

I.Mục đích yêu cầu:

-Học sinh nhớ lại các từ chỉ hoạt động trạng thái.

-Ôn lại cấu trúc kiểu câu Ai làm gì?

-Vận dụng làm đúng các bài tập có liên quan.

-Phát triển t- duy cho học sinh.

II.Đồ dùng:

Hệ thống bài tập.

III.Các hoạt động dạy học

1.Ổn định

2.Kiểm tra: Hai em lên bảng đặt câu theo kiểu Ai là gì?

3.Bài mới:

***Hớng dẫn học sinh ôn tập:**

Bài 1: Đọc đoạn văn sau(Bài 2-SBTNCTV/87)

-Giáo viên chép đoạn đó lên bảng .

a) Tìm các từ chỉ hoạt động.

b)tìm các từ chỉ trạng thái.

c)Tìm thêm một số từ chỉ hoạt động ,trạng thái mà em biết.

+Học sinh tìm từ và phát biểu.

+GV chốt lại ý đúng:

a)ngắt, dẫu, nhủ thâm, để ý, khuyên, chạy, khoe, xem, dẫn, đến, vạch, tìm.

b)quên, muốn, ngủ, chăm chú, nín thở, thức.

c)hoạt động: đi, nhảy, bò, cõng, khiêng vavs,...

từ chỉ trạng thái: buồn bã, lo âu, hy vọng, sung s-ống, hồi hộp, phấn khởi,

Bài 2: đặt câu với một từ chỉ hoạt động, một từ chỉ trạng thái, tìm đ-ợc ở bài 1.

-Học sinh làm vào vở.

2 học sinh lên bảng làm.

-GV và học sinh nhận xét chốt lại câu đúng.

Bài 3:

Đọc đoạn văn sau: (Bài tập 1-SBTTV3 NC-t91)

Giáo viên chép đoạn đó lên bảng:

a) Các từ ngữ chỉ hoạt động của con ong là?

b) Những từ này cho thấy con ong là con vật nh- thể nào?

Học sinh làm miệng.

-GV chốt lại từ đúng:

a)l-ớt, dùng, ng-ớc đầu, nhún, nhảy, giờ, vớt, bay, đậu, ra khắp(mảnh v-òn) đi dọc, đi ngang, sục sạo, tìm kiếm.

b)Con ong là con vật nhanh nhẹn, lanh lợi, thông minh.

Bài 4: Nối từ ngữ ở cột A với cột b để tạo thành câu Ai làm gì?

A

B

Đám học trò

ngủ khi trên l-ng mẹ

Đàn sếu

hoảng sợ bỏ chạy

Các em bé

đang rải cánh trên cao.

Yêu cầu học sinh làm vào vở

-1 em lên bảng làm.

-GV và học sinh nhận xét chốt bài làm đúng.

b)Các câu trên đã nối hoàn chỉnh khác câu Ai là gì ở chỗ nào?

-GV chốt lời giải đúng;

+ Các câu trên khác kiểu câu Ai là gì ở chỗ:

-Về cấu tạo: Hai mô hình khác nhau Ai làm gì? Ai-là gì?

-Về tác dụng: kiểu câu Ai làm gì nêu hoạt động của ng-ời, vật. Kiểu câu Ai là gì? dùng để giới thiệu, nhận xét.

Bài 5 Gạch dưới bộ phận câu trả lời câu hỏi: “Làm gì?” trong câu sau:

Chú cá heo này đã cứu sống một phi công.

Bé kẹp lại tóc thả ống quần lấy cái nón của má đội lên đầu.

Bác để họ chấu cái kho báu ấy vào một cái lò nung.

-Học sinh làm vào vở.

-Chấm ch- a bài.

Bài 6: Đặt câu hỏi cho bộ phận còn lại(không gạch d-ới trong các câu trên)

- 1.....
- 2.....
- 3.....

4.Củng cố dẫn dò:

-Nhắc lại kiến thức vừa học.

Nhận xét giờ học.

Về nhà làm bài tập:

Em hãy viết một đoạn văn kể về tổ em trực nhật lớp, trong đó có câu Ai làm gì?Viết xong gạch d- ới các câu kiểu câu Ai làm gì?

Thứ ba

Toán

Ôn tập về tính chu vi hình chữ nhật, hình vuông, nhận dạng, vẽ hình thêm đoạn thẳng tạo hình

I.Mục tiêu:

-Giúp học sinh ôn tập về tính chu vi hình vuông và hình chữ nhật.

-ôn tập về nhận dạng hình tam giác, vuông, chữ nhật, đếm hình, vẽ thêm đoạn thẳng để đ- ọc 1 số hình cho tr- ớc.

-Rèn tính cẩn thận trong khi làm bài và óc t- ưởng t- ượng hình.

II.Đồ dùng:

Th- ớc kẻ, nháp.

III.Các hoạt động dạy học.

1.Ổn định.

2.Kiểm tra bài cũ: 1 học sinh lên làm bài tập về nhà.

GVvà học sinh nhận xét cho điểm.

3.Bài mới:

*H- ớng dẫn học sinh làm các bài tập sau:

Bài 1:

a)Nói rằng: “Hình chữ nhật có bốn cạnh bằng nhau là hình vuông”. Câu nói đó đúng hay sai? Tại sao?

b)Nói rằng: “Hình vuông cũng là một hình chữ nhật”. Câu nói đó đúng hay sai ? Tại sao?

c)Chu vi một hình chữ nhật gấp bốn lần chiều dài. hãy so sánh chiều dài và chiều rộng của hình chữ nhật này.

d)Chu vi một hình chữ nhật gấp 6 lần chiều rộng. Hãy so sánh chiều dài và chiều rộng của hình chữ nhật này.

Bài 2: Cạnh của một hình vuông bằng 17 dm. tìm chu vi chu vi hình chữ nhật biết chiều dài của nó gấp 3 lần chiều rộng, chiều rộng của nó bằng cạnh của hình vuông.

Bài 3: Một hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 3 dm. nếu chiều dài gấp lên 4 lần, chiều rộng không đổi thì chiều dài mới hơn chiều rộng 24 dm. Tìm chu vi hình chữ nhật ban đầu.

Bài 4 Chu vi một hình chữ nhật bằng 18 dm. Nếu tăng chiều dài lên 5 lần chiều rộng không thay đổi thì chiều dài mới hơn chiều rộng 39dm. Tìm độ dài mỗi cạnh hình chữ nhật ban đầu.

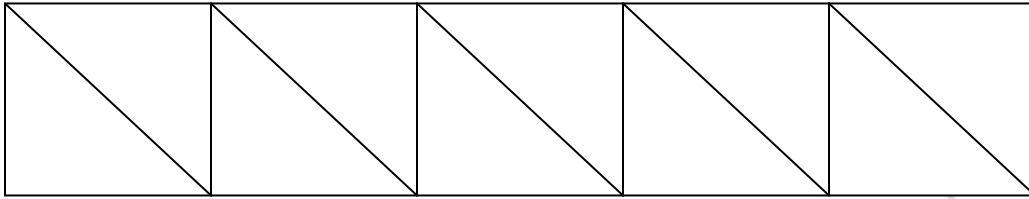
Bài 5: Một hình chữ nhật có chiều rộng kém chiều dài 3 cm. Nếu giữ nguyên chiều rộng, tăng chiều dài 4 lần thì đ- ọc một hình chữ nhật có chu vi là 64cm. Tìm độ dài mỗi cạnh hình chữ nhật ban đầu.

Bài 6

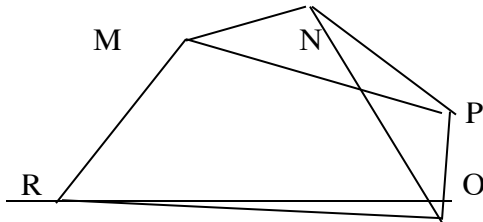
a) Trong hình vẽ bên có bao nhiêu:

- Hình vuông?

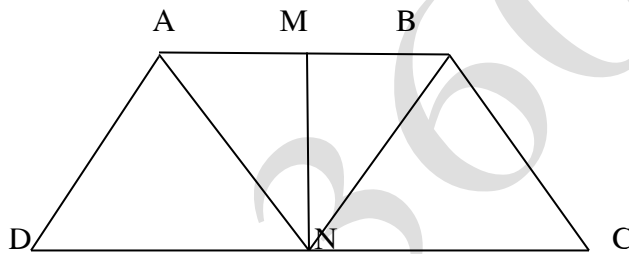
- Hình tam giác?



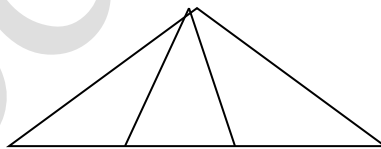
b) Trong hình bên có bao nhiêu tam giác? Bao nhiêu tứ giác?



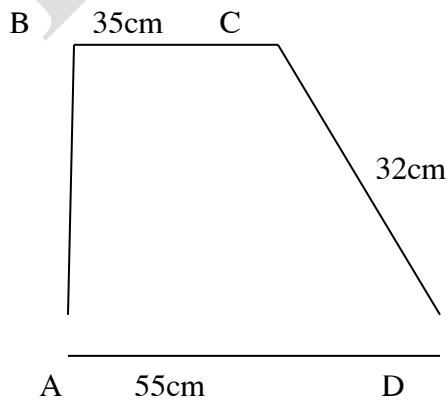
c) Hình bên có bao nhiêu hình tứ giác? đọc tên các hình tứ giác đó.



d) Hình bên có bao nhiêu hình tam giác?



e) Kẻ thêm một đường thẳng MN ở hình bên để có ba hình tứ giác, trong đó có một hình vuông. Tìm chu vi các tứ giác vừa tìm được.



- *Giáo viên hướng dẫn học sinh làm các bài tập trên.
- *Học sinh tự làm các bài tập trên dưới sự gợi ý của giáo viên.
- *Lần lượt từng học sinh lên bảng trình bày bài trên bảng.
- *Giáo viên và học sinh nhận xét bài làm của học sinh.
- *Giáo viên cho điểm những học sinh có bài làm tốt.

4.Hoạt động nối tiếp:

- Nhắc lại nội dung ôn tập.
 - Nhận xét tiết học.
- Về làm lại các bài tập chưa làm đúng.

Thứ tư □

Tập làm văn

Luyện nói về nếp sống văn minh

I.Mục đích yêu cầu:

- Giúp học sinh nhận biết được những việc làm thể hiện nếp sống văn minh.
- Học sinh nói và viết được những việc đã làm thể hiện nếp sống văn minh.
- Rèn học sinh viết văn có nhiều hình ảnh và chân thực.

II.Đồ dùng: Vở, nháp.

III.Các hoạt động dạy học:

1.Bài cũ: Kiểm tra bài làm ở nhà.

2.Bài mới: Giúp học sinh làm các bài tập sau:

***Đề 1:** Em hãy kể lại một chuyện vui có đề tài về nếp sống văn minh.

*Yêu cầu học sinh làm miệng, học sinh kể trong nhóm rồi kể trước lớp.

-Giáo viên và học sinh nhận xét.

***Đề 2:** Em hãy cùng các bạn soạn ra một văn bản ghi lại những điều quy định của lớp em về một trong những nội dung sau:

- Giữ trật tự vệ sinh trong lớp.
- Bảo đảm trật tự, an toàn khi đi xe buýt.
- Giữ kỉ luật trong giờ nghỉ trưa.

*Gợi ý:

Quy định về bảo đảm trật tự, an toàn khi đi xe buýt.

+Những điều không nên.

+Những điều nên.

+Hình thức kỉ luật, khen thưởng.

Em làm tự với nội dung:

- Giữ trật tự vệ sinh trong lớp.
- Giữ kỉ luật trong giờ nghỉ trưa.

*Yêu cầu học sinh làm vào vở.

-Nối tiếp học sinh lên bảng trình bày.

-Giáo viên và học sinh nhận xét, cho điểm.

***Đề 3:** Viết một đoạn văn ngắn có nội dung hướng dẫn một em nhỏ qua đường, ở trong rạp chiếu phim, đi chơi vườn hoa, công viên.

*Gợi ý:

Em cần hướng dẫn các em nhỏ các ý sau:

-Những điều cần làm.

-Những điều không nên làm.

-Nếu có thể nêu những gì xảy ra khi không thực hiện điều đó.

*Yêu cầu học sinh làm bài vào vở.

-Thu chấm bài.

-Giáo viên nhận xét.

IV. Củng cố dẫn dò:

-Nêu nội dung chính của bài.

-Nhận xét tiết học.

-Về học bài và làm lại những bài chưa đạt yêu cầu.

Thứ năm

Toán

Ôn tập về tính diện tích hình chữ nhật hình vuông.

I.Mục tiêu:

-Giúp học sinh ôn tập cách tính diện tích hình chữ nhật hình vuông.

-Giáo dục học sinh tính cẩn thận khi tính toán.

II.Đồ dùng: Thước kẻ, nháp, vở.

III.Các hoạt động dạy học.

1 Bài cũ: Chữa bài tập về nhà.

2.Hướng dẫn học sinh làm các bài tập sau:

Bài 1: Cho hình chữ nhật có nửa chu vi là 22m, cạnh ngắn là 9m. Tính diện tích hình chữ nhật đã cho.

Bài 2: Cho hình chữ nhật có chu vi là 44m, cạnh ngắn là 8m. Tính diện tích hình chữ nhật đã cho.

Bài 3: Cho hình chữ nhật có diện tích là $104m^2$, cạnh ngắn là 8m. tính chu vi hình chữ nhật đã cho.

Bài 4: Cho hình vuông có chu vi là 36 dm. Tính diện tích hình vuông đã cho.

Bài 5: Một thửa vườn hình vuông có diện tích là $36m^2$. Chu vi thửa vườn là bao nhiêu mét?

Bài 6: Có một thửa vườn hình vuông có số đo chu vi bằng số đo của diện tích. Đố bạn biết số đo diện tích của thửa vườn là bao nhiêu?

*Yêu cầu học sinh tự làm các bài tập trên.

*Lần lượt 6 học sinh lên bảng chữa bài.

*Gv và học sinh nhận xét cho điểm.

3.Hoạt động nối tiếp:

-Nhắc lại kiến thức cơ bản.

-Nhận xét giờ học.

-HDVN; Ôn lại các quy tắc tính chu vi và diện tích hình chữ nhật và hình vuông.